

Phụ lục 1**DANH MỤC VĂN BẢN PHỤC VỤ LẬP DỰ TOÁN**

(gửi kèm theo Công văn số /BGDDT-KHCNMT ngày tháng 5 năm 2023)

1. Thông tư số 03/2022/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.
2. Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.
3. Quyết định số 5830/QĐ-BGDDT ngày 27/11/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về quy định một số định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ có sử dụng ngân sách Nhà nước của Bộ GDĐT.
4. Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.
5. Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính quy định về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê.
6. Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.
7. Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
8. Các văn bản liên quan khác.

GIẢI TRÌNH CHI TIẾT CÁC MỤC CHI

Mục 1: Công lao động trực tiếp tham gia thực hiện đề tài: (Tham khảo ví dụ dưới đây, trong đó hệ số lao động khoa học căn cứ theo Thông tư 02/2023/TT-BKHHCN tùy theo từng chức danh, định mức thù lao tháng của chủ nhiệm không quá 28.000.000 đồng, số ngày công của 1 tháng là 22 ngày)

Tình huống ví dụ: Một nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia có thời gian thực hiện là 24 tháng với 02 nội dung nghiên cứu. Các chức danh tham gia thực hiện nhiệm vụ bao gồm: 01 chủ nhiệm (Nguyễn Văn X); 01 thư ký khoa học (Nguyễn Văn Y); thành viên chính; thành viên; kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ; lao động phổ thông. Dự toán thù lao thực hiện nhiệm vụ được tính như sau:

Đơn vị tính: đồng

số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)x(5)x(6)
I	Xây dựng thuyết minh nhiệm vụ	Nội dung công việc này chủ nhiệm và thư ký khoa học của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng.				
II	Nội dung nghiên cứu					359.720.000
1	Nội dung 1:... Do một thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện (Trong ví dụ này, nội dung 1 do Nguyễn Văn A là thành viên nghiên cứu chính chủ trì thực hiện)					129.808.000
1.1	Công việc 1:... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 01 tháng quy đổi và 03 thành viên thực hiện trong tổng thời gian quy đổi là 1,5 tháng					39.200.000

số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)x(5)x(6)
	(thành viên 1 Nguyễn Văn B thực hiện trong 1 tháng; thành viên 2 Nguyễn Văn C thực hiện trong 0,3 tháng; thành viên 3 Nguyễn Văn D thực hiện trong 0,2 tháng).					
	- Thù lao thành viên chính (Nguyễn Văn A)	0,8	1	28.000.000	1	22.400.000
	- Thù lao nhóm 03 thành viên					
	+ Thù lao thành viên (Nguyễn Văn B)	0,4	1	28.000.000	1	11.200.000
	+ Thù lao thành viên (Nguyễn Văn C)	0,4	1	28.000.000	0,3	3.360.000
	+ Thù lao thành viên (Nguyễn Văn D)	0,4	1	28.000.000	0,2	2.240.000
1.2	Công việc 2:... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 01 tháng quy đổi và 02 thành viên thực hiện trong tổng thời gian quy đổi là 02 tháng (thành viên 1 Nguyễn Văn C thực hiện trong 1,5 tháng; thành viên 2 Nguyễn Văn E thực hiện trong 0,5 tháng) và 02 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ. Mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.					50.400.000
	- Thù lao thành viên chính (Nguyễn Văn A)	0,8	1	28.000.000	1	22.400.000

số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)x(5)x(6)
	- Thù lao nhóm 02 thành viên					
	+ Thù lao thành viên (Nguyễn Văn C)	0,4	2	28.000.000	1,5	16.800.000
	+ Thù lao thành viên (Nguyễn Văn E)	0,4	2	28.000.000	0,5	5.600.000
	- Thù lao nhóm 03 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ					
	+ Thù lao kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (Trần Văn M)	0,2	5	28.000.000	0,5	2.800.000
	+ Thù lao kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (Trần Văn N)	0,2	5	28.000.000	0,5	2.800.000
1.3	Công việc 3:... Do thành viên chính Nguyễn Văn A thực hiện trong 12 ngày quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó: chủ nhiệm nhiệm vụ Nguyễn Văn X tham gia với chức danh thành viên, hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 02 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (trong đó: thư ký khoa học tham gia với chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ), mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ thực hiện công việc được giao trong 0,5 tháng quy đổi.					40.208.000
-	Thù lao thành viên chính (Nguyễn Văn A)	0,8	1	28.000.000	0,545 (= 12/22)	12.208.000
-	Thù lao nhóm 02 thành viên					

số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)x(5)x(6)
+	Thù lao thành viên (Nguyễn Văn X)	0,4	1	28.000.000	1	11.200.000
+	Thù lao thành viên (Nguyễn Văn C)	0,4	1	28.000.000	1	11.200.000
-	Thù lao nhóm 02 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ					
+	Thù lao kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (Nguyễn Văn Y)	0,2	1	28.000.000	0,5	2.800.000
+	Thù lao kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (Trần Văn F)	0,2	1	28.000.000	0,5	2.800.000
1.4	Công việc 4...					
2	Nội dung 2:... Chủ nhiệm nhiệm vụ chủ trì thực hiện nội dung với chức danh thành viên chính (hưởng thù lao theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên chính)					55.192.000
2.1	Công việc 1:... Chủ nhiệm nhiệm vụ Nguyễn Văn X thực hiện công việc trong 0,5 tháng quy đổi và 02 thành viên tham gia (trong đó có thư ký khoa học Nguyễn Văn Y tham gia với chức danh thành viên và hưởng thù lao tính theo hệ số lao động khoa học của chức danh thành viên), mỗi thành viên thực hiện trong 01 tháng quy đổi; 01 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ và mỗi kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ được phân công					36.400.000

số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)x(5)x(6)
	<i>trong 0,5 tháng quy đổi</i>					
-	Thù lao thành viên chính (Nguyễn Văn X)	0,8	1	28.000.000	0,5	11.200.000
-	Thù lao nhóm 03 thành viên					
+	Thù lao thành viên (Nguyễn Văn A)	0,4	1	28.000.000	1	11.200.000
+	Thù lao thành viên (Nguyễn Văn Y)	0,4	1	28.000.000	1	11.200.000
-	Thù lao kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (Trần Văn P)	0,2	1	28.000.000	0,5	2.800.000
2.2	<i>Công việc 2:... Chủ nhiệm nhiệm vụ Nguyễn Văn X thực hiện công việc trong 01 tháng quy đổi và 01 thành viên Nguyễn Văn C tham gia trong 8 ngày quy đổi; 01 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ được phân công trong 0,5 tháng quy đổi; 2 lao động phổ thông, mỗi lao động phổ thông thực hiện công việc được phân công trong 0,5 tháng quy đổi</i>					18.792.000
-	Thù lao thành viên chính (Nguyễn Văn X)	0,8	1	28.000.000	1	8.064.000
-	Thù lao 01 thành viên (Nguyễn Văn C)	0,4	1	28.000.000	0,36 (= 8/22)	4.032.000
-	Thù lao 01 kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ (Trần Văn M)	0,2	1	28.000.000	0,5	2.016.000
-	Thù lao lao động phổ thông (tính bằng mức lương tối thiểu vùng cao nhất 4.680.000 đồng x số tháng thực hiện quy đổi)					

số TT	Nội dung công việc	Hệ số lao động khoa học	Số người trong nhóm chức danh	Định mức thù lao tháng của chủ nhiệm (DMCN)	Tổng số tháng quy đổi của chức danh/nhóm chức danh	Tổng thù lao thực hiện nhiệm vụ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)=(3)x(5)x(6)
+	Thù lao lao động phổ thông (Lê Văn S)				0,5	2.340.000
+	Thù lao lao động phổ thông (Lê Văn T)				0,5	2.340.000
3	Thù lao của chủ nhiệm nhiệm vụ (Nguyễn Văn X): ($TL_{CN} = 1,0 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$)	1	1	28.000.000	4,8 (=20% x 24)	134.400.000
4	Thù lao của thư ký khoa học (Nguyễn Văn Y): ($TL_{TK} = 0,3 \times DM_{CN} \times 20\% \times T$)	0,3	1	28.000.000	4,8 (=20% x 24)	40.320.000
III	Xây dựng báo cáo tổng kết	Nội dung công việc này do chủ nhiệm và thư ký của nhiệm vụ thực hiện, đã được tính trong thù lao của chủ nhiệm và thư ký khoa học, không tính thù lao riêng				
	TỔNG CỘNG					359.720.000

Mục 2. Chi mua vật tư , nguyên, nhiên, vật liệu: Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm. (Kèm 3 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng)

Số TT	Khoản chi, nội dung chi	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn kinh phí	
						Từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Nguyên, vật liệu						
1.1							
1.2							
...							
2	Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng						
3	Năng lượng, nhiên liệu						
...							
	Tổng cộng						

Mục 3. Chi sửa chữa, mua sắm tài sản cố định: Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm. (Kèm 3 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng)

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn kinh phí	
						Từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Mua mới						
1.1							
1.2							

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn kinh phí	
						Từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
...							
2	Thuê thiết bị (ghi tên thiết bị, thời gian thuê)						
...							
	Tổng cộng						

Mục 4. Chi hội thảo, công tác phí

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn kinh phí	
						Từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hội thảo						
1.1	Người chủ trì						
1.2	Thư ký Hội thảo						
1.3	Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo						
1.4	Báo cáo khoa học đặt hàng nhưng không trình bày tại Hội thảo						
1.5	Thành viên tham gia Hội thảo						
	...						
2	Công tác phí						

Mục 5. Chi trả dịch vụ thuê ngoài phục vụ nghiên cứu: Lập theo nội dung nghiên cứu, công việc thực hiện, kết quả, sản phẩm. (Kèm 3 báo giá nếu mục chi này quá 20 triệu đồng)

Mục 6. Chi điều tra, khảo sát thu thập số liệu

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn kinh phí	
						Từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Điều tra, khảo sát thu thập số liệu (nội dung điều tra khảo sát, số ngày, số người, công tác phí...)						
1.1							
1.2							
...							

Mục 7. Chi văn phòng phẩm, thông tin liên lạc, in ấn: Không quá 2% tổng kinh phí đề tài

Mục 8. Chi họp hội đồng đánh giá, nghiệm thu cấp cơ sở:

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn kinh phí	
						Từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)	(8)
1	Đánh giá, nghiệm thu đề tài cấp cơ sở						
1.1	Chủ tịch	Người	1	750.000	750.000		
1.2	Thành viên Hội đồng	Người	6	500.000	3.000.000		

Số TT	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Tổng kinh phí (đồng)	Nguồn kinh phí	
						Từ ngân sách nhà nước	Nguồn khác
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)x(5)	(7)	(8)
1.3	Thư ký hành chính	Người	1	150.000	150.000		
1.4	Đại biểu dự	Người		100.000			
1.5	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	Phiếu	5	250.000	1.250.000		
1.6	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện	Phiếu	2	350.000	700.000		

Mục 9. Chi quản lý chung: (5% tổng kinh phí đề tài)

Mục 10. Chi khác: Vận dụng các quy định hiện hành

Ngày tháng năm

TỔ CHỨC CHỦ TRÌ

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm

CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI

(Ký, ghi rõ họ tên)